
TẬP TRUNG NGÂN HÀNG VÀ ỔN ĐỊNH NGÂN HÀNG DƯỚI GÓC NHÌN CÁC PHÂN VỊ

Phạm Tiên Đạt

Trường Đại học Tài chính – Marketing

Email: phamtiendat@ufm.edu.vn

Tô Thị Hồng Gấm*

Trường Đại học Tài chính – Marketing

Email: togam@ufm.edu.vn

Mã bài: JED-2804

Ngày nhận: 29/12/2025

Ngày nhận bản sửa: 27/02/2026

Ngày duyệt đăng: 02/03/2026

DOI: 10.33301/JED.VI.2804

Tóm tắt:

Dựa trên bộ dữ liệu bảng cân bằng gồm 65 quốc gia trong giai đoạn 2011–2022, nghiên cứu sử dụng phương pháp hồi quy phân vị dựa trên phương pháp mô men để đánh giá tác động của tập trung ngân hàng dọc theo toàn bộ phân phối ổn định, thay vì chỉ xem xét tác động trung bình như trong các nghiên cứu trước. Kết quả thực nghiệm cho thấy tập trung ngân hàng làm suy giảm ổn định ngân hàng tại tất cả các phân vị, song mức độ tác động không đồng nhất. Cụ thể, tác động tiêu cực này gia tăng rõ rệt ở các phân vị ổn định cao, cho thấy các hệ thống ngân hàng tương đối ổn định nhạy cảm hơn trước sự gia tăng quyền lực thị trường. Ngoài ra, lạm phát và thất nghiệp chủ yếu làm gia tăng rủi ro đối với các hệ thống ngân hàng kém ổn định, trong khi chất lượng thể chế thể hiện vai trò hỗ trợ ổn định ngân hàng một cách nhất quán trên toàn bộ phân phối.

Từ khóa: Ổn định ngân hàng, tập trung ngân hàng, hồi quy phân vị.

Mã JEL: G21, L11, C21.

Bank concentration and bank stability: A quantile perspective

Abstract

Based on a balanced panel dataset covering 65 countries over the period 2011–2022, this research employs the Method of Moments Quantile Regression to examine the effect of banking concentration across the entire distribution of bank stability, rather than restricting the analysis to mean effects as in much of the existing literature. The results reveal that banking concentration exerts a statistically significant negative impact on bank stability at all quantiles, although the magnitude of this effect varies across the stability distribution. Specifically, the adverse impact intensifies at higher stability quantiles, indicating that relatively stable banking systems are more sensitive to increases in market concentration. Moreover, inflation and unemployment are found to exacerbate bank instability primarily in less stable systems, while institutional quality consistently contributes to enhanced bank stability across all quantiles.

Keywords: Bank stability, banking concentration, quantile regression.

JEL Codes: G21, L11, C21.

1. Đặt vấn đề

Mối quan hệ giữa cấu trúc thị trường và kết quả hoạt động của doanh nghiệp là một chủ đề cốt lõi trong kinh tế học công nghiệp, trong đó hai khuôn khổ lý thuyết kinh điển, giả thuyết thông đồng (Bain, 1951) và giả thuyết cấu trúc hiệu quả (Demsetz, 1973), được sử dụng rộng rãi để lý giải các hệ quả kinh tế của mức độ tập trung thị trường. Mặc dù không được xây dựng trực tiếp cho lĩnh vực ngân hàng, hai khuôn khổ này đã cung cấp nền tảng khái niệm quan trọng để diễn giải các quan điểm trái chiều về tác động của tập trung ngân hàng đối với ổn định ngân hàng.

Theo hướng tiếp cận thông đồng, mức độ tập trung cao có thể làm suy yếu kỷ luật cạnh tranh và khuyến khích hành vi chấp nhận rủi ro, từ đó làm gia tăng tính mong manh của hệ thống ngân hàng. Ngược lại, cách tiếp cận cấu trúc hiệu quả cho rằng tập trung ngân hàng phản ánh ưu thế về hiệu quả, khả năng tạo lợi nhuận và tích lũy vốn của các ngân hàng lớn, qua đó có thể nâng cao khả năng chống chịu trước các cú sốc. Phù hợp với sự đối lập về mặt lý thuyết này, nghiên cứu thực nghiệm ghi nhận các kết quả không đồng nhất: một số nghiên cứu ủng hộ quan điểm tập trung – ổn định (Mirzaei & cộng sự, 2013; Ben Ali & cộng sự, 2018; Nyangu & cộng sự, 2022; Tran Son & cộng sự, 2023), trong khi các nghiên cứu khác tìm thấy bằng chứng ủng hộ quan điểm tập trung – mong manh (Aldomy & cộng sự, 2020; Antony & cộng sự, 2021; Dương Thị Mai Phương & Đặng Văn Dân, 2023; Budhathoki & cộng sự, 2024; Tô Thị Hồng Gấm & cộng sự, 2025). Bên cạnh đó, các nghiên cứu gần đây cho thấy mối quan hệ này có thể mang tính phi tuyến hoặc phụ thuộc bối cảnh, song phần lớn vẫn dựa trên ước lượng tác động trung bình (Cuestas & cộng sự, 2020; Nguyen Hai Tuan, 2023; Abdesslem & cộng sự, 2023).

Xuất phát từ sự thiếu nhất quán đó, câu hỏi nghiên cứu được đặt ra: tác động của tập trung ngân hàng đến ổn định ngân hàng thay đổi như thế nào dựa theo các mức độ ổn định khác nhau của hệ thống ngân hàng? Để trả lời câu hỏi này, nghiên cứu áp dụng hồi quy phân vị dựa trên phương pháp mô men nhằm đánh giá tác động của tập trung ngân hàng trên toàn bộ phân phối ổn định ngân hàng, thay vì chỉ tại giá trị trung bình. Cách tiếp cận này cho phép làm rõ mức độ nhạy cảm khác nhau của các hệ thống ngân hàng kém ổn định, ổn định trung bình và ổn định cao trước sự gia tăng tập trung ngân hàng, qua đó bổ sung bằng chứng thực nghiệm về vấn đề này.

2. Lược khảo nghiên cứu

Một nhánh lớn các nghiên cứu sử dụng hồi quy tuyến tính trung bình để phân tích tác động của tập trung ngân hàng đến ổn định ngân hàng. Trong nhóm này, nhiều nghiên cứu ủng hộ giả thuyết tập trung–ổn định, cho rằng các hệ thống ngân hàng tập trung cao có xu hướng ổn định hơn nhờ lợi thế kinh tế theo quy mô, biên lợi nhuận cao và khả năng quản trị rủi ro tốt hơn. Mirzaei & cộng sự (2013), sử dụng dữ liệu 1.929 ngân hàng tại các nền kinh tế phát triển và mới nổi, cho thấy sức mạnh thị trường có liên quan tích cực đến lợi nhuận và ổn định ngân hàng, đặc biệt ở các nền kinh tế phát triển. Kết quả tương tự cũng được ghi nhận trong các nghiên cứu đa quốc gia của Ben Ali & cộng sự (2018), Nyangu & cộng sự (2022) và Tran Son & cộng sự (2023), khi mức độ tập trung cao gắn với xác suất vỡ nợ thấp hơn và điểm Z cao hơn. Ngược lại, nhiều nghiên cứu khác lại tìm thấy bằng chứng ủng hộ giả thuyết tập trung–mong manh, nhấn mạnh vai trò của quyền lực thị trường và hiện tượng “quá lớn để sụp đổ”. Aldomy & cộng sự (2020), sử dụng dữ liệu ngành ngân hàng Jordan, cho thấy tập trung ngân hàng làm gia tăng rủi ro tín dụng và làm suy giảm ổn định. Các nghiên cứu tại Kenya (Antony & cộng sự, 2021), Việt Nam (Dương Thị Mai Phương & Đặng Văn Dân, 2023) và một số quốc gia châu Á (Budhathoki & cộng sự, 2024) cũng chỉ ra rằng sự gia tăng tập trung có thể làm suy yếu ổn định ngân hàng thông qua kênh chấp nhận rủi ro và suy giảm cạnh tranh. Cùng quan điểm này, Tô Thị Hồng Gấm & cộng sự (2025) mở rộng bằng chứng đa quốc gia trong bối cảnh phát triển tài chính. Sử dụng dữ liệu của 58 quốc gia giai đoạn 2011–2022 và kết hợp cả phương pháp Bayesian và tann suất, nghiên cứu cho thấy tập trung ngân hàng có tác động tiêu cực đến ổn định ngân hàng, ngay cả khi hệ thống tài chính được cải thiện.

Nhằm giải thích sự không đồng nhất trong kết quả, một số nghiên cứu đã xem xét khả năng tồn tại quan hệ phi tuyến giữa tập trung ngân hàng và ổn định. Cuestas & cộng sự (2020) và Nguyen Hai Tuan (2023) phát

hiện mối quan hệ hình chữ U ngược, hàm ý rằng tập trung ngân hàng chỉ cải thiện ổn định đến một ngưỡng nhất định. Abdesslem & cộng sự (2023), sử dụng mô hình ngưỡng Hansen, cho thấy tác động của tập trung ngân hàng đến rủi ro ngân hàng thay đổi đáng kể khi vượt qua các mức tập trung khác nhau. Các kết quả tương tự cũng được ghi nhận trong các nghiên cứu về cạnh tranh và ổn định tại khu vực Baltic (Cuestas & cộng sự, 2020), Trung đông và Bắc Phi (González & cộng sự, 2017; Halim & cộng sự, 2023) và ASEAN (Nguyen Hai Tuan, 2023), cho thấy không tồn tại một mối quan hệ tuyến tính đơn giản giữa cấu trúc thị trường và ổn định ngân hàng.

Một số nghiên cứu mở rộng mô hình bằng cách đưa vào các yếu tố đa dạng hóa, thể chế, sở hữu và khủng hoảng. Các nghiên cứu của Shim (2019), Tran Son & cộng sự (2023) nhấn mạnh vai trò của đa dạng hóa như một kênh điều tiết quan trọng, cho thấy tập trung thị trường có thể mang lại tác động ổn định khi các ngân hàng có mức độ đa dạng hóa cao hơn. Halim & cộng sự (2023) và Tran Hung Son & cộng sự (2023) cho thấy chất lượng thể chế có ảnh hưởng đến tác động của tập trung ngân hàng đến ổn định. Trong bối cảnh khủng hoảng, Cubillas & Suárez (2018), Riadi & cộng sự (2022), và Mateev & cộng sự (2024) cho thấy tập trung thị trường và sức mạnh thị trường có thể đóng vai trò như một “đệm ổn định”, song tác động này không đồng nhất giữa các nhóm ngân hàng và giai đoạn trước-sau khủng hoảng. Ponziani & Theola (2025) bổ sung góc nhìn quản trị doanh nghiệp, cho thấy tập trung thị trường kết hợp với đặc điểm quản trị có thể làm gia tăng hành vi chấp nhận rủi ro.

Tổng hợp các nghiên cứu trên cho thấy hai đặc điểm nổi bật. Thứ nhất, kết quả thực nghiệm về mối quan hệ giữa tập trung ngân hàng và ổn định ngân hàng không đồng nhất. Thứ hai, nhiều nghiên cứu đã mở rộng theo hướng phi tuyến, ngưỡng và biến điều tiết, song phần lớn vẫn dựa trên ước lượng tác động trung bình. Mặc dù tác động của tập trung ngân hàng đến ổn định ngân hàng vẫn còn tranh cãi và tạo ra hai luồng quan điểm: Quan điểm tập trung - ổn định và quan điểm tập trung - mong manh. Tuy nhiên, trong thực tế, sự tập trung ngân hàng tại các quốc gia chủ yếu đến từ làn sóng mua bán và sáp nhập sau khủng hoảng kinh tế 2008, nên cấu trúc tổ chức ngân hàng còn phức tạp, khiến việc giám sát khó khăn hơn. Cấu trúc này làm tăng rủi ro về phối hợp và khả năng xử lý khủng hoảng (Financial Stability Board, 2023). Dựa vào cơ sở này, bài báo đưa ra giả thuyết sau:

Giả thuyết nghiên cứu: Tác động của tập trung ngân hàng đến ổn định ngân hàng là ngược chiều.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Mô hình nghiên cứu

Các nghiên cứu trước về tập trung ngân hàng đưa ra hai luồng bằng chứng trái chiều về tác động đến ổn

Bảng 1. Mô tả các biến của mô hình nghiên cứu

STT	Biến	Mã hóa	Đo lường	Nguồn	Nghiên cứu kế thừa
Biến phụ thuộc					
1	Ổn định ngân hàng	ZSC	Điểm Z ngân hàng (Bank Z-score)	GFDD	Cuestas & cộng sự (2020)
Biến độc lập					
2	Tập trung ngân hàng	CCR	Tài sản của 3 ngân hàng lớn nhất trong tổng tài sản NHTM	GFDD	Nguyen Hai Tuan (2023)
Biến kiểm soát					
3	Tỷ lệ lạm phát	INF	Tốc độ tăng trưởng hàng năm của chỉ số giảm phát GDP	WDI	Abdesslem & cộng sự (2023)
4	Tăng trưởng kinh tế	GDP	Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm	WDI	Abdesslem & cộng sự (2023)
5	Tỷ lệ thất nghiệp	UNE	Tỷ lệ người thất nghiệp trên lực lượng lao động của một quốc gia	WDI	Tô Thị Hồng Gám & cộng sự (2025)
6	Thể chế	WGI	Chỉ số quản trị toàn cầu	WGI	Nguyen Hai Tuan (2023)

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

định ngân hàng. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu này dựa trên hồi quy tuyến tính, trong khi Topcu & Ufuk (2025) cho thấy phản ứng của ổn định ngân hàng khác nhau giữa các phân vị. Trên cơ sở đó, bài báo xây dựng mô hình hồi quy phân vị dựa trên phương pháp mô men như sau:

$$QZSC_{it}(\tau) = \alpha_i(\tau) + \beta_1(\tau)CCR_{it} + \beta_2(\tau)INF_{it} + \beta_3(\tau)GDP_{it} + \beta_4(\tau)UNE_{it} + \beta_5(\tau)WGI_{it} \quad (*)$$

Trong đó, $QZSC_{it}(\tau)$ là phân vị τ ($\tau \in (0;1)$) của chỉ số điểm Z, đại diện cho mức độ ổn định ngân hàng của quốc gia i tại thời điểm t . Việc ước lượng tại nhiều phân vị cho phép đánh giá tác động của các biến giải thích trên toàn bộ phân phối ổn định ngân hàng, thay vì chỉ tại giá trị trung bình có điều kiện. Thành phần $\alpha_i(\tau)$ phản ánh hiệu ứng không quan sát được đặc thù theo quốc gia và thay đổi theo từng phân vị, nhằm kiểm soát dị biệt cố hữu giữa các hệ thống ngân hàng. Các hệ số $\beta_j(\tau)$ ($j=1, \dots, 5$) phản ánh cường độ tác động của từng yếu tố tại các mức ổn định khác nhau.

Bảng 1 trình bày tóm tắt mô tả toàn bộ các biến được sử dụng trong mô hình (*).

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Nhằm làm rõ sự khác biệt trong tác động của tập trung ngân hàng đến ổn định ngân hàng tại các phân vị khác nhau, nghiên cứu này áp dụng phương pháp hồi quy phân vị dựa trên phương pháp mô men (Method of Moments Quantile Regression – MMQR) được đề xuất bởi Machado & Santos Silva (2019). Theo đó, phân vị có điều kiện của biến phụ thuộc trong mô hình MMQR cho dữ liệu bảng được biểu diễn như sau:

$$QY_{it}(\tau) = \alpha_i(\tau) + X'_{it}\beta(\tau); \quad \tau \in (0;1)$$

trong đó Y_{it} là biến phụ thuộc, X_{it} là vector các biến giải thích; $\alpha_i(\tau)$ phản ánh hiệu ứng cá thể không quan sát được tại phân vị τ ; còn $\beta(\tau)$ là vector hệ số hồi quy cho phép các tác động thay đổi theo từng phân vị của phân phối biến phụ thuộc.

Ưu điểm cốt lõi của MMQR là khả năng nắm bắt tính không đồng nhất của tác động dọc theo toàn bộ phân phối của biến phụ thuộc, cho phép các hệ số hồi quy thay đổi theo từng phân vị. Các nghiên cứu gần đây cho thấy MMQR giúp làm rõ các tác động bất đối xứng và dị biệt mà hồi quy trung bình khó phản ánh đầy đủ (Berisha & cộng sự, 2023; Ramzan & cộng sự, 2023; Musa & cộng sự, 2025). Việc áp dụng MMQR trong nghiên cứu này được hỗ trợ bởi một khung kiểm định tiền đề bao gồm kiểm định phụ thuộc chéo, không đồng nhất độ dốc, nhằm bảo đảm độ tin cậy của các ước lượng phân vị.

Để kiểm định tính vững của kết quả ước lượng, nghiên cứu sử dụng hồi quy phân vị với sai số chuẩn bootstrap (Bootstrap Quantile Regression – BSQ), dựa trên khung hồi quy phân vị của Koenker & Bassett (1978) và phương pháp suy luận bootstrap được đề xuất bởi Buchinsky (1995). Tuy nhiên, BSQ là hồi quy phân vị có điều kiện, không xử lý dị biệt không quan sát được và phụ thuộc chéo trong dữ liệu bảng, do đó được sử dụng chủ yếu để kiểm định tính vững về dấu và xu hướng tác động.

3.3. Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới bao gồm Chỉ số Phát triển Thế giới (World Development Indicators - WDI), Cơ sở dữ liệu Tài chính Toàn cầu (Global Financial Development Database - GFDD), Chỉ số Quản trị Thế giới (World Governance Indicators - WGI) và một số báo cáo quốc gia. Sau khi loại bỏ những quốc gia không có dữ liệu, số lượng các quốc gia trong mẫu nghiên cứu còn 65 quốc gia trong giai đoạn 2011 - 2022 (xem PHỤ LỤC).

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Kết quả kiểm định

Kết quả tại Bảng 2 cho thấy các biến nghiên cứu có mức độ phân tán đáng kể, phản ánh sự không đồng nhất rõ rệt giữa các hệ thống ngân hàng và điều kiện kinh tế vĩ mô trong mẫu nghiên cứu. Kết quả kiểm định phân phối chuẩn Jarque-Bera cho thấy hầu hết các biến không tuân theo phân phối chuẩn, cũng có tính phù hợp của phương pháp hồi quy phân vị.

Ma trận tương quan cho thấy hệ số tương quan giữa các biến độc lập nhìn chung ở mức thấp đến trung bình. Mối tương quan cao nhất là giữa CCR và WGI (0,451), nhưng vẫn dưới ngưỡng cảnh báo phổ biến

Bảng 2. Thống kê mô tả

Biến	ZSC	CCR	INF	GDP	UNE	WGI
Số quan sát	780	780	780	780	780	780
Trung bình	0,154	0,615	0,052	0,032	0,072	0,393
Độ lệch chuẩn	0,090	0,180	0,080	0,040	0,047	1,989
Tối thiểu	0,002	0,253	-0,055	-0,245	0,002	-2,868
Tối đa	0,574	1,000	0,960	0,211	0,277	4,610
Jarque-Bera (JB)	543	34,420	6.5e+04	1656,000	304,100	60,070
Giá trị p của JB	1.e-118	3.3e-08	0,000	0,000	9.0e-67	9.0e-14
ZSC	1,000					
CCR	-0,144	1,000				
INF	-0,083	-0,104	1,000			
GDP	0,022	-0,104	0,046	1,000		
UNE	-0,041	0,167	-0,033	-0,186	1,000	
WGI	0,122	0,451	-0,245	-0,191	0,231	1,000

Nguồn: Kết quả ước lượng từ phần mềm Stata 17.0.

Bảng 3. Kiểm định sự phụ thuộc chéo

Biến	Thống kê CD	Giá trị p	Hệ số tương quan	Giá trị tuyệt đối của hệ số tương quan
ZSC	5,270	0,000	0,033	0,421
CCR	7,680	0,000	0,049	0,503
INF	55,990	0,000	0,354	0,445
GDP	83,100	0,000	0,526	0,545
UNE	15,040	0,000	0,095	0,491
WGI	-0,730	0,467	-0,005	0,492

Nguồn: Kết quả ước lượng từ phần mềm Stata 17.0

(0,8), cho thấy không tồn tại đa cộng tuyến nghiêm trọng.

Kết quả tại Bảng 3 cho thấy phần lớn các biến trong mô hình tồn tại phụ thuộc chéo. Điều này phản ánh mức độ liên kết và lan tỏa giữa các quốc gia trong bối cảnh hội nhập tài chính và kinh tế ngày càng sâu rộng. Mặc dù hệ số tương quan trung bình không quá lớn, giá trị tuyệt đối của hệ số tương quan cho thấy sự phụ thuộc chéo là đáng kể và không thể bỏ qua trong phân tích thực nghiệm.

Kết quả kiểm định tính không đồng nhất của độ dốc theo Pesaran & Yamagata (2008) tại Bảng 4 cho thấy cả thống kê Delta và Delta hiệu chỉnh đều có giá trị $p = 0,000$, qua đó bác bỏ giả thuyết về tính đồng nhất của các hệ số độ dốc ở mức ý nghĩa 1%. Điều này hàm ý rằng tác động của các biến giải thích không đồng nhất giữa các đơn vị trong mẫu, củng cố sự cần thiết của việc sử dụng các phương pháp cho phép dị biệt hệ số, như phân tích theo phân vị MMQR.

4.2. Kết quả ước lượng và thảo luận nghiên cứu

Kết quả tại Bảng 5 cho thấy CCR tác động tiêu cực và có ý nghĩa thống kê trên toàn bộ các phân vị của

Bảng 4. Kiểm tra tính không đồng nhất của độ dốc

	Giá trị thống kê	Giá trị p
Delta	6,145	0,000
Delta hiệu chỉnh	9,519	0,000

Nguồn: Kết quả ước lượng từ phần mềm Stata 17.0

Bảng 5. Kết quả ước lượng mô hình

Biến	Tác động trung bình	Độ phân tán	Phân vị 25%	Phân vị 50%	Phân vị 75%	Phân vị 90%
CCR	-0,123*** (0,020)	-0,069*** (0,015)	-0,056*** (0,014)	-0,105*** (0,017)	-0,171*** (0,028)	-0,258*** (0,046)
INF	-0,060 (0,046)	0,033 (0,035)	-0,091*** (0,033)	-0,069* (0,041)	-0,037 (0,065)	0,003 (0,105)
GDP	0,080 (0,086)	0,018 (0,064)	0,063 (0,061)	0,076 (0,075)	0,093 (0,120)	0,115 (0,193)
UNE	-0,096 (0,077)	0,105 (0,058)	-0,197*** (0,055)	-0,124 * (0,067)	-0,024 (0,109)	0,107 (0,175)
WGI	0,011*** (0,002)	0,008*** (0,002)	0,004** (0,001)	0,009*** (0,002)	0,016*** (0,003)	0,026*** (0,005)
cons	0,232*** (0,014)	0,097*** (0,011)	0,140*** (0,010)	0,207*** (0,013)	0,299*** (0,021)	0,420*** (0,035)

Ghi chú: ***, **, * biểu thị mức độ ý nghĩa thống kê ở mức tương ứng 1%, 5%, và 10%.

Nguồn: Kết quả ước lượng từ phần mềm Stata 17.0

ZSC, với cường độ tác động gia tăng ở các phân vị cao. Phát hiện này cung cấp bằng chứng thực nghiệm ủng hộ giả thuyết tập trung – mong manh, cho thấy mức độ tập trung cao có thể làm suy giảm ổn định ngân hàng ngay cả khi hệ thống đang ở trạng thái tương đối an toàn. Về mặt lý thuyết, kết quả này phù hợp với lý thuyết thông đồng của Bain (1951), theo đó cấu trúc thị trường tập trung làm suy giảm cạnh tranh và kỷ luật thị trường, đồng thời khuyến khích các ngân hàng nói lỏng chuẩn tín dụng để tối đa hóa lợi nhuận. Cơ chế này được củng cố bởi hiệu ứng chuyển dịch rủi ro (Boyd & De Nicoló, 2005), khi các ngân hàng nắm giữ quyền lực thị trường lớn, đặc biệt là các ngân hàng mang tính hệ thống, có động cơ gia tăng chấp nhận rủi ro do kỳ vọng được hỗ trợ khi xảy ra khủng hoảng. Về mặt thực nghiệm, kết quả của nghiên cứu tương đồng với các bằng chứng ủng hộ quan điểm tập trung – mong manh tại Jordan (Aldomy & cộng sự, 2020) và Kenya (Antony & cộng sự, 2021), cũng như bằng chứng quốc tế gần đây của Tô Thị Hồng Gấm & cộng sự (2025).

Kết quả cho thấy lạm phát (INF) tác động tiêu cực đến ổn định ngân hàng chủ yếu tại các phân vị thấp và trung vị của ZSC, hàm ý rằng bất ổn giá cả làm gia tăng rủi ro đối với các hệ thống ngân hàng vốn đã mong manh. Phát hiện này phù hợp với Halim & cộng sự (2023), khi lạm phát làm suy giảm thu nhập thực và chất

Bảng 6. Kết quả ước lượng BSQ

Biến	Phân vị 25%	Phân vị 50%	Phân vị 75%	Phân vị 90%
CCR	-0,012 (0,014)	-0,097*** (0,023)	-0,108*** (0,033)	-0,206*** (0,046)
INF	-0,038 (0,028)	-0,067*** (0,023)	0,045 (0,060)	0,006 (0,086)
GDP	0,021 (0,073)	0,062 (0,128)	0,064 (0,125)	0,332 (0,291)
UNE	-0,229*** (0,043)	-0,087 (0,103)	0,158 (0,132)	0,168 (0,167)
WGI	0,000 (0,002)	0,005* (0,003)	0,005 (0,004)	0,026*** (0,003)
cons	0,115 (0,010)	0,201*** (0,016)	0,241*** (0,021)	0,374*** (0,042)

Ghi chú: ***, **, và * biểu thị mức độ ý nghĩa thống kê ở các mức tương ứng 1%, 5%, và 10%.

Nguồn: Kết quả ước lượng từ phần mềm Stata 17.0

lượng tín dụng. Thất nghiệp (UNE) cũng có tác động âm chủ yếu tại các phân vị thấp, phản ánh vai trò của suy yếu chu kỳ kinh tế trong việc khuếch đại rủi ro tín dụng, nhất quán với kết luận của Shim (2019).

Đối với tăng trưởng kinh tế (GDP), hệ số ước lượng mang dấu dương nhưng không có ý nghĩa thống kê, cho thấy tăng trưởng không phải là yếu tố quyết định trực tiếp ổn định ngân hàng khi đã kiểm soát các điều kiện khác (Nyangu & cộng sự, 2022). Ngược lại, chất lượng thể chế (WGI) có tác động dương và gia tăng theo phân vị, củng cố vai trò nền tảng của thể chế trong việc duy trì ổn định ngân hàng (Tran Hung Son & cộng sự, 2023).

4.3. Kiểm định tính vững bằng hồi quy phân vị với sai số chuẩn bootstrap

Kết quả kiểm định tính vững bằng hồi quy phân vị với sai số chuẩn bootstrap (BSQ) tại Bảng 6 cho thấy các ước lượng thu được nhất quán về dấu và ý nghĩa thống kê so với kết quả từ mô hình MMQR. Cụ thể, tập trung ngân hàng (CCR) có tác động tiêu cực và có ý nghĩa thống kê tại các phân vị trung và cao của điểm Z ($\tau = 50\%$, 75% và 90%), với cường độ tác động gia tăng khi chuyển sang các phân vị trên, trong khi tác động tại các phân vị thấp không có ý nghĩa thống kê. Các biến kiểm soát như lạm phát (INF), thất nghiệp (UNE) và chất lượng thể chế (WGI) cũng cho kết quả phù hợp về dấu và mức ý nghĩa so với mô hình chính, cho thấy các kết luận thực nghiệm không bị chi phối bởi giả định phân phối sai số hay phương pháp ước lượng cụ thể.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Nghiên cứu phân tích ảnh hưởng của tập trung ngân hàng đến ổn định ngân hàng dựa trên bộ dữ liệu bảng cân bằng của 65 quốc gia trong giai đoạn 2011–2022. Phương pháp MMQR được sử dụng nhằm đánh giá mối quan hệ giữa tập trung ngân hàng và ổn định ngân hàng dưới góc nhìn các phân vị, thay vì chỉ tại giá trị trung bình như trong các nghiên cứu trước. Kết quả thực nghiệm cho thấy tập trung ngân hàng có tác động tiêu cực đến ổn định ngân hàng tại tất cả các phân vị. Tuy nhiên, cường độ của tác động âm này gia tăng đáng kể ở các phân vị ổn định cao hơn, cho thấy các hệ thống ngân hàng tương đối ổn định nhạy cảm hơn trước sự gia tăng mức độ tập trung thị trường. Do đó, mối quan hệ giữa tập trung ngân hàng và ổn định ngân hàng không thể hiện sự đảo chiều về dấu, mà phản ánh sự không đồng nhất rõ rệt về cường độ tác động dọc theo phân phối ổn định. Đối với các biến kiểm soát, lạm phát và thất nghiệp làm suy giảm ổn định ngân hàng chủ yếu tại các phân vị thấp và trung vị, trong khi tăng trưởng kinh tế không có ý nghĩa thống kê đáng kể. Ngược lại, chất lượng thể chế có tác động tích cực và nhất quán trên toàn bộ các phân vị, với cường độ mạnh hơn ở các phân vị ổn định cao.

Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số hàm ý chính sách như sau: Thứ nhất, chính sách cạnh tranh và tái cấu trúc hệ thống ngân hàng cần được thiết kế theo cách tiếp cận có điều kiện, gắn với mức độ ổn định hiện hữu của hệ thống. Kết quả cho thấy tập trung ngân hàng luôn làm suy giảm ổn định, và mức độ tác động này càng lớn đối với các hệ thống ngân hàng vốn đã tương đối ổn định. Do đó, các cơ quan quản lý không nên mặc định rằng gia tăng tập trung thông qua sáp nhập hay mở rộng quy mô ngân hàng lớn sẽ củng cố ổn định hệ thống. Ngược lại, tại các hệ thống có mức ổn định cao, việc cho phép gia tăng tập trung cần đi kèm với giám sát thận trọng hơn về hành vi chấp nhận rủi ro, yêu cầu vốn bổ sung và các công cụ an toàn vĩ mô nhằm hạn chế rủi ro tích tụ do quyền lực thị trường gia tăng. Thứ hai, ổn định kinh tế vĩ mô và nâng cao chất lượng thể chế là điều kiện nền tảng để giảm thiểu tác động bất lợi của tập trung ngân hàng. Tác động tiêu cực của lạm phát và thất nghiệp đến ổn định tại các hệ thống ngân hàng cho thấy việc kiểm soát bất ổn vĩ mô có vai trò đặc biệt quan trọng trong phòng ngừa rủi ro ngân hàng. Đồng thời, tác động tích cực và nhất quán của chất lượng thể chế trên toàn bộ phân phối ổn định hàm ý rằng cải thiện khuôn khổ pháp lý, hiệu quả giám sát và thực thi kỷ luật thị trường không chỉ giúp bảo vệ các hệ thống yếu, mà còn củng cố tính bền vững dài hạn của các hệ thống ngân hàng đã ổn định.

PHỤ LỤC

Danh sách các quốc gia trong mẫu nghiên cứu

STT	Quốc gia	Thu nhập	STT	Quốc gia	Thu nhập
Châu Mỹ			Châu Âu		
1	Argentina	Thu nhập cao	1	Albania	Thu nhập trung bình cao
2	Bolivia	Thu nhập trung bình thấp	2	Armenia	Thu nhập trung bình cao
3	Brazil	Thu nhập trung bình cao	3	Austria	Thu nhập cao
4	Chile	Thu nhập cao	4	Belarus	Thu nhập trung bình cao
5	Colombia	Thu nhập trung bình cao	5	Belgium	Thu nhập cao
6	Costa Rica	Thu nhập trung bình cao	6	Bulgaria	Thu nhập trung bình cao
7	Dominican	Thu nhập trung bình cao	7	Croatia	Thu nhập cao
8	Ecuador	Thu nhập trung bình cao	8	Cyprus	Thu nhập cao
9	Honduras	Thu nhập trung bình thấp	9	Czechia	Thu nhập cao
10	Jamaica	Thu nhập trung bình cao	10	Denmark	Thu nhập cao
11	Mexico	Thu nhập trung bình cao	11	Estonia	Thu nhập cao
12	Panama	Thu nhập cao	12	Finland	Thu nhập cao
13	Paraguay	Thu nhập trung bình cao	13	France	Thu nhập cao
14	Uruguay	Thu nhập cao	14	Georgia	Thu nhập trung bình thấp
Châu Á – Thái Bình Dương			15	Greece	Thu nhập cao
1	Bangladesh	Thu nhập trung bình thấp	16	Hungary	Thu nhập cao
2	India	Thu nhập trung bình thấp	17	Latvia	Thu nhập cao
3	Indonesia	Thu nhập trung bình thấp	18	Lithuania	Thu nhập cao
4	Kazakhstan	Thu nhập trung bình cao	19	Luxembourg	Thu nhập cao
5	Korea	Thu nhập cao	20	Norway	Thu nhập cao
6	Malaysia	Thu nhập trung bình cao	21	Portugal	Thu nhập cao
7	Pakistan	Thu nhập trung bình thấp	22	Russian	Thu nhập trung bình cao
8	Philippines	Thu nhập trung bình thấp	23	Serbia	Thu nhập trung bình cao
9	Thailand	Thu nhập trung bình cao	24	Slovenia	Thu nhập cao
10	Vietnam	Thu nhập trung bình thấp	25	Spain	Thu nhập cao
Châu Phi			26	Sweden	Thu nhập cao
1	Benin	Thu nhập thấp	27	Switzerland	Thu nhập cao
2	Burkina Faso	Thu nhập thấp	28	Türkiye	Thu nhập trung bình cao
3	Kenya	Thu nhập trung bình thấp			
4	Malawi	Thu nhập thấp			
5	Mali	Thu nhập thấp			
6	Niger	Thu nhập thấp			
7	Nigeria	Thu nhập trung bình thấp			
8	Rwanda	Thu nhập thấp			
9	Senegal	Thu nhập thấp			
10	Togo	Thu nhập thấp			
11	Uganda	Thu nhập thấp			
12	Egypt	Thu nhập trung bình thấp			
13	Tunisia	Thu nhập trung bình thấp			

Tài liệu tham khảo

- Abdesslem, R. B., Dabbou, H., & Gallali, M. I. (2023). The impact of market concentration on bank risk-taking: evidence from a panel threshold model. *Journal of the Knowledge Economy*, 14(4), 4170-4194. <https://doi-org.dbvista.idm.oclc.org/10.1007/s13132-022-01028-4>
- Aldomy, R. F., Thim, C. K., Lan, N. T. P., & Norhashim, M. B. (2020). Bank concentration and financial risk in Jordan. *Montenegrin Journal of Economics*, 16 (3), 31-44. <https://doi.org/10.14254/1800-5845/2020.16-3.3>
- Antony, A., Peter, M., & Odhiambo, S. (2021). The role of banking concentration on financial stability. *International Journal of Economics and Finance*, 13(6), 103. <https://doi.org/10.5539/ijef.v13n6p103>

-
- Bain, J. S. (1951). Relation of Profit Rate to Industry Concentration: American Manufacturing, 1936–1940. *The Quarterly Journal of Economics*, 65(3), 293–324. <https://doi.org/10.2307/1882217>
- Ben Ali, M. S., Intissar, T., & Zeitun, R. (2018). Banking concentration and financial stability. New evidence from developed and developing countries. *Eastern Economic Journal*, 44(1), 117–134. <https://doi-org.dbvista.idm.oclc.org/10.1057/ej.2016.8>
- Berisha, E., Sewak Dubey, R., & Gharehgozli, O. (2023). Inflation and income inequality: does the level of income inequality matter?. *Applied Economics*, 55(37), 4319–4330. <https://doi.org/10.1080/00036846.2022.2128293>.
- Boyd, J. H., & De Nicoló, G. (2005). The theory of bank risk taking and competition revisited. *Journal of Finance*, 60(3), 1329–1343. <https://doi.org/10.1111/j.1540-6261.2005.00763.x>
- Buchinsky, M. (1995). Quantile regression, Box-Cox transformation model, and the US wage structure, 1963–1987. *Journal of Econometrics*, 65(1), 109–154. [https://doi.org/10.1016/0304-4076\(94\)01599-U](https://doi.org/10.1016/0304-4076(94)01599-U)
- Budhathoki, P. B., Bhattarai, G., Aryal, N. P., & Ghimire, S. R. (2024). The bank concentration and risk exposure: Empirical insights from Asian countries. *Nepal Journal of Multidisciplinary Research*, 7(2), 12–29. <https://doi.org/10.3126/njmr.v7i2.68190>
- Cubillas, E., & Suárez, N. (2018). Bank market power and lending during the global financial crisis. *Journal of International Money and Finance*, 89, 1–22. <https://doi.org/10.1016/j.jimonfin.2018.08.003>
- Cuestas, J. C., Lucotte, Y., & Reigl, N. (2020). Banking sector concentration, competition and financial stability: the case of the Baltic countries. *Post-Communist Economies*, 32(2), 215–249. <https://doi.org/10.1080/14631377.2019.1640981>
- Demsetz, H. (1973). Industry structure, market rivalry, and public policy. *The Journal of Law and Economics*, 16(1), 1–9. <https://doi.org/10.1086/466752>
- Dương Thị Mai Phương & Đặng Văn Dân (2023). Cấu trúc thị trường và ổn định tài chính của các ngân hàng Việt Nam: Bằng chứng từ cách tiếp cận cấu trúc và phi cấu trúc. *Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á*, số 207, 48–64. <https://doi.org/10.63065/ajeb.vn.2023.207.82490>
- Financial Stability Board. (2023). *2023 Bank Failures: Preliminary lessons learnt for resolution*. <https://elischolar.library.yale.edu/ypfs-documents2/4364>
- González, L. O., Razia, A., Búa, M. V., & Sestayo, R. L. (2017). Competition, concentration and risk taking in Banking sector of MENA countries. *Research in International Business and Finance*, 42, 591–604. <https://doi.org/10.1016/j.ribaf.2017.07.004>
- Halim, M. A., Moudud-Ul-Huq, S., Sobhani, F. A., Karim, Z., & Nesa, Z. (2023). The Nexus of Banks' Competition, Ownership Structure, and Economic Growth on Credit Risk and Financial Stability. *Economies*, 11(8), 203. <https://doi.org/10.3390/economies11080203>
- Koenker, R., & Bassett Jr, G. (1978). Regression quantiles. *Econometrica: journal of the Econometric Society*, 46 (1), 33–50. <https://doi.org/10.2307/1913643>
- Machado, J. A., & Silva, J. S. (2019). Quantiles via moments. *Journal of Econometrics*, 213(1), 145–173. <https://doi.org/10.1016/j.jeconom.2019.04.009>.
- Mateev, M., Nasr, T., & Nair, K. (2024). Navigating crisis: marketing dynamics and resilience in the MENA's dual-banking system amidst the SAR-COV-2 pandemic. *Humanities and Social Sciences Communications*, 11(1), 1–21. <https://doi.org/10.1057/s41599-024-03675-1>
- Mirzaei, A., Moore, T., & Liu, G. (2013). Does market structure matter on banks' profitability and stability? Emerging vs. advanced economies. *Journal of Banking & Finance*, 37(8), 2920–2937. <https://doi.org/10.1016/j.jbankfin.2013.04.031>
- Musa, K., Janssen, M., Said, J., Zakaria, N. B., & Erum, N. (2025). The impact of public debt and quality of governance on economic growth in high-income countries. *Journal of the Knowledge Economy*, 16(1), 2817–2843. <https://doi.org/10.1007/s13132-024-02073-x>.
- Nguyen Hai Tuan (2023). Does institutional quality reduce the impact of market concentration on bank stability?

Evidence of developing countries. *Cogent Economics & Finance*, 11(2), 2244769. <https://doi.org/10.1080/23322039.2023.2244769>

- Nyangu, M., Marwa, N., Fanta, A., & Minja, E. J. (2022). Bank concentration, competition and financial stability nexus in the East African Community: is there a trade-off?. *Cogent Economics & Finance*, 10(1), 2082026. <https://doi.org/10.1080/23322039.2022.2082026>
- Pesaran, M. H., & Yamagata, T. (2008). Testing slope homogeneity in large panels. *Journal of Econometrics*, 142(1), 50-93. <https://doi.org/10.1016/j.jeconom.2007.05.010>
- Ponziani, R. M., & Theola, V. (2025). Market Concentration, Corporate Governance, and Banks Risk: Evidence on Concentration-Fragility and Audit Committee Overconfidence. *European Journal of Business and Management Research*, 10(3), 64-70. <https://doi.org/10.24018/ejbmr.2025.10.3.2533>
- Ramzan, M., Abbasi, K. R., Salman, A., Dagar, V., Alvarado, R., & Kagzi, M. (2023). Towards the dream of go green: An empirical importance of green innovation and financial depth for environmental neutrality in world's top 10 greenest economies. *Technological Forecasting and Social Change*, 189, 122370. <https://doi.org/10.1016/j.techfore.2023.122370>
- Riadi, S. S., Hadjaat, M., & Yударuddin, R. (2022). Bank concentration and bank stability during the COVID-19 pandemic. *Emerging Science Journal*, 6, 262-274. <http://dx.doi.org/10.28991/esj-2022-SPER-018>
- Shim, J. (2019). Loan portfolio diversification, market structure and bank stability. *Journal of Banking & Finance*, 104, 103-115. <https://doi.org/10.1016/j.jbankfin.2019.04.006>
- Tô Thị Hồng Gấm, Đào Lê Kiều Oanh & Trần Thị Kim Oanh (2025). Tác động của tập trung ngân hàng đến ổn định ngân hàng trong bối cảnh phát triển tài chính: Bằng chứng quốc tế. *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính-Marketing*, số 90 (Tập 16, kỳ 3), 58-72. <https://doi.org/10.52932/jfmr.v16i3.757>
- Topcu, M., & Ufuk, Can. (2025). Political stability, geopolitical risks, and bank stability. *Finance Research Letters*, 86(G), 108889. <https://doi.org/10.1016/j.frl.2025.108889>
- Tran Hung Son, Nguyen Thanh Dat & Nguyen Thanh Liem. (2023). Market structure, institutional quality and bank stability: evidence from emerging and developing countries. *Competitiveness Review: An International Business Journal*, 33(6), 1046-1068. <https://doi.org/10.1108/CR-02-2022-0016>
- Tran Son, Nguyen Dat, Nguyen Khuong, Nguyen Canh & Nguyen Liem (2023). Income Diversification, Market Structure and Bank Stability: A Cross-country Analysis. *Prague Economic Papers*, 32(5), 550-568. <https://doi.org/10.18267/j.pep.843>

***Tác giả liên hệ: Tô Thị Hồng Gấm. Email: togam@ufm.edu.vn**